

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Bé
- Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Kim L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số D, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1977. Hộ khẩu thường trú: Số C, đường D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số D, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Nguyễn Kim L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phước H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/8/2008. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phước H.

Về nuôi con chung: Bà và ông H có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Phước H1, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Phước H2, sinh ngày 28/9/2013, hiện hai con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Nguyễn Phước H là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà L về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng là đúng, bà L yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn, ông mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng lo lắng, chăm sóc cho con.

Về nuôi con chung: Ông và bà L có với nhau hai người con chung như bà L trình bày. Các con đã lớn nên con muốn sống với ai thì ông thống nhất.

Về tài sản chung: Vợ chồng có căn nhà cấp 4, được xây dựng trên thửa đất do mẹ vợ tên Nguyễn Thị S tặng cho vợ ông. Ông có yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, ông sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn sau.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Nguyễn Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/8/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H vì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ nhưng ông không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng bà L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về nuôi con chung: Bà L và ông H có với nhau hai người con chung tên là Nguyễn Phước H1, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Phước H2, sinh ngày 28/9/2013.

Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung; Ông H không có ý kiến và tôn trọng sự lựa chọn của con. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung mong muốn được sống cùng với mẹ nên cần giao hai con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Mặc dù, bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung nhưng tại phiên tòa ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông H theo quy định tại các Điều 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

[4] Về chia tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 08/12/2023, Tòa án đã ấn định thời gian 15 ngày để ông Nguyễn Phước H nộp đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, nộp tiền tạm ứng án phí và nộp tiền chi phí tố tụng nhưng ông H không thực hiện. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Đương sự cam kết không có nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Phước H.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Phước H1, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Phước H2, sinh ngày 28/9/2013 cho bà Lê Nguyễn Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Phước H phải cấp dưỡng nuôi hai con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Lê Nguyễn Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006558 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Phước H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt